**TÀI LIỆU THAM KHẢO - KIỂM TRA LẠI**

**MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 10 ( 2023 -2024)**

**BÀI 15. VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

**1. Thành tựu văn minh tiêu biểu:**

***a. Chính trị:***

- Đứng đầu đất nước là vua.

- Cơ cấu chính quyền ương và địa phương ngày càng được củng cố, hoàn thiện.

- Tư tưởng chủ đạo là Nho giáo.

- Nhà nước quan tâm đến xây dựng hệ thống luật pháp:

+ Năm 1042, nhà Lý cho ban hành Luật Hình thư 🡺 là luật thành văn đầu tiên của Đại Việt.

+ Nhà Trần có bộ Hoàng triều đại điển và bộ Hình luật.

+ Nhà Lê sơ ban hành bộ Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức) 🡺 là bộ luật tiến bộ nhất Việt Nam thời phong kiến.

+ Nhà Nguyễn có Hoàng Việt luật lệ.

***b. Giáo dục, chữ viết và văn học:***

- Giáo dục:

+ Rất được nhà nước quan tâm.

+ Mở các khoa thi được để tuyển chọn nhân tài.

- Chữ viết:

+ Sáng tạo chữ Nôm (từ chữ Hán).

+ Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ ra đời và phát triển thành chữ viết chính thức của Việt Nam ngày nay.

- Văn học:

+ Văn học dân gian tiếp tục phát triển, phong phú về thể loại.

+ Văn học chữ viết phát triển, gồm: văn học chữ Hán (Hịch tướng sĩ-Trần Quốc Tuấn, Bình Ngô đại cáo-Nguyễn Trãi,…) và văn học chữ Nôm (Truyện Kiều-Nguyễn Du, Lục Vân Tiên-Nguyễn Đình Chiểu, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, thơ Bà Huyện Thanh Quan,…).

***c. Nghệ thuật:***

- Âm nhạc:

+ Âm nhạc dân gian: phát triển với nhiều thể loại (hò, vè, hát ví giặm, quan họ, xẩm, ả đào…)

+ Âm nhạc cung đình: nhã nhạc.

+ Nhiều lễ hội được tổ chức hằng năm: giỗ Tổ Hùng Vương, hội Gióng, tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, tết Đoan Ngọ,…

- Kiến trúc và điêu khắc:

+ Phát triển mạnh dưới thời Lý – Trần.

+ Từ thời Lê sơ, các công trình được xây dựng với quy mô lớn.

+ Tiêu biểu: Hoàng thành Thăng Long, thành Gia Định, kinh thành Huế, chùa Một Cột, chùa Thiên Mụ…

**2. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam:**

- Mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, lòng yêu nước, yêu thiên nhiên và sắc thái nông nghiệp lúa nước nên yếu tố đô thị mờ nhạt.

- Thể hiện được tính rực rỡ, phong phú, độc đáo vừa thể hiện bản sắc dân tộc, vừa thể hiện khả năng hội nhập.

# BÀI 16. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

**1. Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:**

***a. Đời sống vật chất:***

- Hoạt động kinh tế:

+ Nông nghiệp:

* Tập quán sản xuất của các dân tộc không hoàn toàn giống nhau.
* Hầu hết các dân tộc ở Việt Nam đều kết hợp trồng trọt với chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Thủ công nghiệp:

* Đa dạng ngành nghề: dệt vải, đan lát, làm đồ gồm, làm đồ trang sức, làm nghề rèn, làm đồ gỗ,…
* Một số dân tộc có ngành nghề thủ công rất phát triển gắn với nhu cầu và bản sắc của mỗi cộng đồng.

- Ẩm thực:

+ Lương thực chính của các dân tộc là lúa, ngô, phần đông các dân tộc ăn cơm nấu từ gạo tẻ, gạo nếp kết hợp với các món được chế biến từ các loại thịt, măng, rau củ.

+ Thức uống: rượu cần, rượu ngô.

- Trang phục: Đa dạng về kiểu dáng, mỗi dân tộc đều có những nét riêng.

- Nhà ở:

+ Đa dạng về loại hình, gồm nhà sàn, nhà nền đất, nhà nửa sàn, nửa đất, nhà tường.

+ Vật liệu làm nhà là gỗ, đá, gạch, ngói, tre nứa, tranh, đất sét.

+ Một số dân tộc có những ngôi nhà được xây cất làm nơi sinh hoạt chung cho buôn làng, với nét kiến trúc độc đáo như nhà rông, nhà dài ở Tây Nguyên.

- Phương tiện đi lại:

+ Ở đồng bằng và miền núi: voi, ngựa, xe trâu, xe bò,…

+ Ở vùng nhiều sông ngòi: sử dụng đò, ghe, thuyền.

+ Ngày nay, việc sử dụng xe đạp, xe gắn máy, ô tô, tàu hỏa,... đã phổ biến trong cộng đồng các dân tộc.

***b. Đời sống tinh thần:***

- Tín ngưỡng, tôn giáo:

+ Tín ngưỡng: thờ cúng trời đất, các vị thần linh, thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc, tin thờ các loại ma,....

+ Tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo.

- Phong tục, tập quán, lễ hội:

+ Gắn liền với đời người như sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

+ Là dịp để con người bày tỏ lòng biết ơn, cầu mong sự che chở, phù hộ của tổ tiên, thần linh với cộng đồng.

**BÀI 17. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC** **VIỆT NAM**

**1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam:**

***a. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc:***

- Cùng chung sống lâu đời trong quá trìnhxây dựng và phát triển đất nước.

- Nhu cầu trị thủy và thủy lợi, phát triển nông nghiệp, đấu tranh chống ngoại xâm.

- Nhà nước thực hiện nhiều chính sách nhằm xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc qua từng thời kì.

***b.Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước:***

- Đời sống sản xuất: Các dân tộc cùng khai phá đất đai, tiến hành sản xuất, sáng tạo các giá trị vật chất và tinh thần.

- Chống giặc ngoại xâm: Chung vai sát cánh trong các cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lược và thống trị của ngoại bang.

***c. Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay:***

- Là cơ sở phát huy sức mạnh toàndân tộc nhằm phát triển kinh tế, văn hóa.

- Tạo nên nguồn sức mạnh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

- Là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết địnhđể xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

**2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay:**

***a. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc:***

- Nguyên tắc cơ bản: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau.

***b. Nội dung cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước:***

- Kinh tế:

+ Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế các vùng dân tộc và miền núi, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào.

+ Phát triển các ngành sản xuất phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng dân tộc.

+ Hỗ trợ về đất đai, thuế và vay vốn để phát triển sản xuất.

- Văn hóa xã hội:

+ Tập trung vào công tác giáo dục, đào tạo, chăm sóc y tế, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, điện nước,…

+ Đào tạo cán bộ và đội ngũ tri thức dân tộc thiểu số.

HẾT